TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 10 – 2019
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2019/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(chị L có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phạm Thị L là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh H chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 03/9/2014. Thời gian đầu, chị L và anh H chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, chị L và anh H xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm sống. Trong khi phát sinh mâu thuẫn, anh H có đánh chị L, chị L có phản kháng và đánh lại.

Mâu thuẫn ngày càng thường xuyên. Vào tháng 5/2019, anh H có đánh chị L và đuổi chị L ra khỏi nhà, chị đến sống nhờ vào nhà cha mẹ ruột. Lúc đó, chị L có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện C, nhưng do Tòa án động viên hàn gắn và còn thương con nên chị L đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến nhau. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/10/2011. Hiện nay, con chung đang sống cùng chị L và anh H. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên hòa giải ngày 01/10/2019, anh Nguyễn Văn H là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H thừa nhận lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Tuy nhiên, anh H không muốn ly hôn với chị L do vẫn còn tình cảm với chị L và không đồng ý ly hôn. Anh H mong muốn được hàn gắn tình cảm với chị L, anh sẽ cố gắng sắp xếp công việc phù hợp để có thời gian chăm sóc cho vợ và con, mong muốn các con có đầy đủ cha mẹ phát triển bình thường.

Việc chị L trình bày về việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh H thừa nhận có đánh chị L và chị L có đánh lại. Nhưng khi hết mâu thuẫn thì mọi việc trở lại bình thường và thường xuyên xảy ra. Khi chị L về nhà cha mẹ ruột vào tháng 5/2019 anh có đến hàn gắn tình cảm với chị L nhưng không thành.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/10/2011. Hiện con chung đang sống cùng anh H, khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi con chung. Không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Thị L (Photo);

- 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Văn H (Photo);

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);

- 01 Giấy khai sinh tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/11/2011 (Photo);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 01/10/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị L có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con"*.

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn H là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu ly hôn với anh H, anh H không đồng ý ly hôn với chị L.

Chị L và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/9/2014, do đó hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến có hành vi bạo lực gia đình, sự việc diễn ra nhiều lần. Anh H và chị L đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2019 do anh H đánh và đuổi chị L ra khỏi nhà. Lúc đó, chị L có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện C, nhưng do Tòa án động viên hàn gắn và còn thương con nên chị L đã rút đơn khởi kiện. Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động hay đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L.

- Về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/10/2011. Anh H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Văn N. Chị L và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do anh H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày. Do đó, để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Ngoan, cần tiếp tục giao cháu Ngoan cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bên cạnh đó, theo bản tự khai ngày 01 tháng 10 năm 2019 thì con chung Nguyễn Văn N có nguyện vọng sống chung với mẹ. Theo khoản 2 điều 81 Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014 quy định: "*...nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con* ".

Do đó, giao con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/10/2011 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị L và anh H có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị L và anh H cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị Phạm Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/10/2011.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003280 ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị L đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Chi cục THADS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh